

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 22 - 9 - 2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mùi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Kim Oanh;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phúc Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

**- Bị đơn:** Ông Đinh Đồng Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đinh Đồng Đ chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 28 tháng 3 năm 2001. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì không hạnh phúc nữa do phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ thường xuyên uống rượu, ham chơi thú vui của riêng ông mà không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho các con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 6/2020, bà và ông Đ sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà kiên quyết ly hôn với ông Đinh Đồng Đ.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Đinh Thị Y N, sinh năm 2001 và Đinh Thị Y P, sinh ngày 20/11/2003. Con chung Đinh Thị Y N đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T yêu cầu được nuôi con Đinh Thị Y P, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đinh Đồng Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và Bà T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do trong lúc ông xem điện thoại thì Bà T mắng ông nên ông giận bỏ đi uống rượu. Bà T cũng bỏ về nhà mẹ ruột ở dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Ông còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Đinh Thị Y N, sinh năm 2001 và Đinh Thị Y P, sinh ngày 20/11/2003. Khi ly hôn ông tôn trọng quyết định của con chung muốn sống cùng với ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Hiện tại cháu Đinh Thị Y N đã trên 18 tuổi, không xem xét giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đinh Thị Y P. Cháu Phụng có nguyện vọng sống cùng mẹ. Đề nghị HĐXX giao con chung Đinh Thị Y P cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp

luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: Xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bị đơn ông Đinh Đồng Đ có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Đồng Đ chung sống vợ chồng tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 28/3/2001, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện đã ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 02 con chung là Đinh Thị Y N, sinh năm 2001 và Đinh Thị Y P, sinh ngày 20/11/2003. Con chung Đinh Thị Y N đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nguyên đơn yêu cầu được quyền nuôi con chung Đinh Thị Y P, bị đơn tôn trọng quyền quyết định của con muốn sống cùng ai. Hội đồng xét xử xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý và nguyện vọng của con nên giao con chung Đinh Thị Y P cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Đinh Đồng Đ.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đinh Đồng Đ.

2. Về con chung: Con chung Đinh Thị Y N đã trên 18 tuổi, không xem xét giải quyết. Giao con Đinh Thị Y P, sinh ngày 20/11/2003 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Đinh Đồng Đ cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở ông Đinh Đồng Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043423, ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND thị trấn P, huyện Phú Giáo (số 49 - quyền số 01/2001);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mùi**